



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ  
và Phát triển Xanh**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020**



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	0201768923	ngày 24 tháng 1 năm 2017
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	0201768923	ngày 3 tháng 7 năm 2017
	0201768923	ngày 27 tháng 12 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Thế Trọng	Chủ tịch
	Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
	Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
	Ông Bùi Minh Hưng	Thành viên
	Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
	Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên

<b>Đại diện theo pháp luật</b>	Ông Hoàng Tiến Lục	Giám đốc
--------------------------------	--------------------	----------

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ Phường Đông Hải 2, Quận Hải An Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty



Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2020





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Ban lãnh đạo**

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được soát xét hay kiểm toán.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00210-20-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2019-007-1



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>67.292.819.043</b>	<b>54.455.172.431</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>49.244.144.350</b>	<b>28.563.864.067</b>
Tiền	111		16.244.144.350	10.563.864.067
Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	18.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.015.324.287</b>	<b>14.636.090.488</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	11.164.324.287	9.383.028.818
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	3.171.872.770
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	791.000.000	2.081.188.900
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>82.497.000</b>	<b>267.942.000</b>
Hàng tồn kho	141		82.497.000	267.942.000
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.950.853.406</b>	<b>10.987.275.876</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		394.321.491	510.423.379
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.556.531.915	10.476.852.497
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>271.838.857.093</b>	<b>277.776.033.484</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>145.537.457.239</b>	<b>149.626.533.743</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	145.293.342.364	149.195.521.790
Nguyên giá	222		200.400.724.663	193.813.327.176
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.107.382.299)	(44.617.805.386)
Tài sản cố định vô hình	227	12	244.114.875	431.011.953
Nguyên giá	228		1.121.382.459	1.121.382.459
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(877.267.584)	(690.370.506)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>126.301.399.854</b>	<b>128.149.499.741</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	126.301.399.854	128.149.499.741
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>339.131.676.136</b>	<b>332.231.205.915</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>117.676.000.274</b>	<b>129.969.459.038</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.990.065.429</b>	<b>53.735.376.045</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.798.497.795	10.054.115.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.248.000	44.301.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	251.316.960	218.311.113
Phải trả người lao động	314		13.517.675.073	17.768.590.982
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.940.130.262	3.849.484.925
Phải trả ngắn hạn khác	319		270.196.043	120.084.670
Vay ngắn hạn	320	18	25.096.296.296	20.207.407.407
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	3.076.705.000	1.473.080.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>63.685.934.845</b>	<b>76.234.082.993</b>
Vay dài hạn	338	18	63.685.934.845	76.234.082.993
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>221.455.675.862</b>	<b>202.261.746.877</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>221.455.675.862</b>	<b>202.261.746.877</b>
Vốn cổ phần	411	20	121.200.000.000	121.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121.200.000.000	121.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		66.441.746.877	38.395.122.402
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.813.928.985	42.666.624.475
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.120.000.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		21.693.928.985	42.666.624.475
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>339.131.676.136</b>	<b>332.231.205.915</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Minh Lan  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Hoàng Tiến Lục  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	01	21	93.431.438.276	101.758.767.998
<b>Giá vốn dịch vụ cung cấp</b>	11		54.610.128.424	64.792.278.247
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	20		38.821.309.852	36.966.489.751
Doanh thu hoạt động tài chính	21		473.911.849	700.700.226
Chi phí tài chính	22		3.483.278.885	5.779.134.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.483.278.885	5.779.134.521
Chi phí bán hàng	25	22	11.867.711.780	6.305.555.422
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	2.257.306.018	3.361.334.395
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	30		21.686.925.018	22.221.165.639
Thu nhập khác	31		7.003.967	107.357.711
Chi phí khác	32		-	4.000.000
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	40		7.003.967	103.357.711
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		21.693.928.985	22.324.523.350
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	60		21.693.928.985	22.324.523.350
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.687	1.739

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Tiến Lục  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21.693.928.985</b>	<b>22.324.523.350</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		14.801.325.971	13.301.538.975
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(480.915.816)	(804.057.937)
Chi phí lãi vay	06		3.483.278.885	5.779.134.521
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>39.497.618.025</b>	<b>40.601.138.909</b>
Biến động các khoản phải thu	09		5.694.100.258	(18.007.542.325)
Biến động hàng tồn kho	10		185.445.000	137.765.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.377.239.649)	(5.821.959.518)
Biến động chi phí trả trước	12		266.729.125	611.559.923
			<b>39.266.652.759</b>	<b>17.520.961.989</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.343.863.741)	(3.211.319.023)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	14.466.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(896.375.000)	(1.065.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35.026.414.018</b>	<b>13.259.108.966</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(7.160.786.325)	(6.320.814.866)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	88.891.711
Tiền thu lãi tiền gửi	27		473.911.849	700.700.226
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.686.874.476)</b>	<b>(5.531.222.929)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	8.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.659.259.259)	(10.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.659.259.259)</b>	<b>(2.000.000.000)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		20.680.280.283	5.727.886.037
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		28.563.864.067	34.951.731.178
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	49.244.144.350	40.679.617.215

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Tiến Lục  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là xếp dỡ, nâng hạ container, sửa chữa container, đầu tư và cho thuê thiết bị.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 148 nhân viên (1/1/2020: 151 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 năm.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(n) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động trên một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ, và sửa chữa container và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.365.876.254	1.980.671.012
Tiền gửi ngân hàng	14.878.268.096	8.583.193.055
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	18.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	49.244.144.350	28.563.864.067



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là các công ty liên quan:

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	8.505.973.471	8.302.759.675
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	1.301.393.500	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	897.120.202	551.697.850
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Vận tải biển Liên Hợp	153.423.400	224.978.840
Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam)	97.619.076	113.438.452
Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	96.648.313	39.142.256
Các khách hàng khác	112.146.325	151.011.745
	<b>11.164.324.287</b>	<b>9.383.028.818</b>

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Phải thu từ Công ty mẹ	-	1.043.700.000
Tạm ứng	762.500.000	535.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	28.500.000	502.488.900
	<b>791.000.000</b>	<b>2.081.188.900</b>

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	83.050.294.941	3.074.154.669	106.493.520.596	1.195.356.970	193.813.327.176
Tăng trong kỳ	-	-	9.307.772.850	-	9.307.772.850
Thanh lý	-	-	(2.720.375.363)	-	(2.720.375.363)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>83.050.294.941</b>	<b>3.074.154.669</b>	<b>113.080.918.083</b>	<b>1.195.356.970</b>	<b>200.400.724.663</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	21.689.343.164	1.274.819.475	21.054.784.602	598.858.145	44.617.805.386
Khấu hao trong kỳ	4.678.365.714	312.785.574	7.801.895.115	123.909.840	12.916.956.243
Thanh lý	-	-	(2.427.379.330)	-	(2.427.379.330)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.367.708.878</b>	<b>1.587.605.049</b>	<b>26.429.300.387</b>	<b>722.767.985</b>	<b>55.107.382.299</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	61.360.951.777	1.799.335.194	85.438.735.994	596.498.825	149.195.521.790
Số dư cuối kỳ	56.682.586.063	1.486.549.620	86.651.617.696	472.588.985	145.293.342.364

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 98.703 triệu VND (1/1/2020: 104.919 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 18).





**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.121.382.459
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	690.370.506
Khấu hao trong kỳ	186.897.078
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	877.267.584
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	431.011.953
Số dư cuối kỳ	244.114.875
	<hr/>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	127.310.448.750	637.671.206	201.379.785	128.149.499.741
Tăng trong kỳ	-	242.690.182	71.920.000	314.610.182
Phân bổ trong kỳ	(1.697.472.650)	(366.438.419)	(98.799.000)	(2.162.710.069)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	125.612.976.100	513.922.969	174.500.785	126.301.399.854
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là các công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.310.119.628	3.040.861.751
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	724.518.337	719.356.033
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	302.682.718
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương	804.645.678	385.021.669
Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	695.750.000	774.675.000
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	609.032.600	498.300.000
Công ty TNHH Vật tư Trường Thành	285.881.200	1.076.897.250
Công ty Cổ phần Lốp ô tô Thăng Long	242.649.000	1.217.403.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Tuấn Hưng	209.880.000	59.400.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đạt Phát	172.738.500	435.187.500
Công ty TNHH MTV Thương mại Linh Thuận Phát	170.164.900	226.735.700
Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng	83.439.002	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Anh	77.000.000	71.500.000
Công ty TNHH Hòa Phát	65.760.200	80.080.000
Công ty Cổ phần Anh Trung	62.419.500	-
Các nhà cung cấp khác	284.499.250	1.166.015.327
	8.798.497.795	10.054.115.948

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.380.365.945	(9.380.365.945)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	218.311.113	267.964.635	-	(234.958.788)	251.316.960
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	218.311.113	9.651.330.580	(9.380.365.945)	(237.958.788)	251.316.960

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trích trước lãi vay phải trả	1.450.015.056	1.310.599.912
<i>Công ty Cổ phần Container Việt Nam</i>	994.925.093	1.153.710.820
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	455.089.963	156.889.092
Chi phí hoa hồng	1.317.471.750	815.047.200
Trích trước chi phí sửa chữa	-	1.293.405.000
Chi phí phải trả khác	172.643.456	430.432.813
	2.940.130.262	3.849.484.925

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	1.473.080.000	2.100.080.000
Trích lập trong kỳ	2.500.000.000	2.500.000.000
Sử dụng trong kỳ	(896.375.000)	(438.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.076.705.000	4.162.080.000



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ (i)	VND	7,0%	2022	39.111.111.111	44.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ (i)	VND	7,1%	2023	18.007.407.408	20.777.777.778
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (ii)	VND	8,1%	2025	31.663.712.622	31.663.712.622
				88.782.231.141	96.441.490.400
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(25.096.296.296)	(20.207.407.407)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				63.685.934.845	76.234.082.993

(i) Các khoản vay từ Công ty mẹ không có tài sản đảm bảo và gốc vay được trả hàng quý.

(ii) Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo như trình bày tại Thuyết minh 11.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	121.200.000.000	-	40.895.122.402	162.095.122.402
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	42.666.624.475	42.666.624.475
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - chưa soát xét	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển - chưa soát xét	-	38.395.122.402	(38.395.122.402)	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 - chưa soát xét</b>	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	121.200.000.000	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.693.928.985	21.693.928.985
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	28.046.624.475	(28.046.624.475)	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	121.200.000.000	66.441.746.877	33.813.928.985	221.455.675.862



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.120.000	121.200.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,34%
Các cá nhân khác	4.080.000	33,66%
	12.120.000	100,00%

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	82.585.056.978	76.643.898.242
Dịch vụ sửa chữa container	5.457.115.385	15.944.138.171
Dịch vụ khác	5.389.265.913	9.170.731.585
	<b>93.431.438.276</b>	<b>101.758.767.998</b>

**22. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
Chi phí cho hãng tàu	2.532.363.000	2.908.763.340
Chi phí hoa hồng nâng hạ	8.628.602.000	3.112.006.500
Chi phí bán hàng khác	706.746.780	284.785.582
	<b>11.867.711.780</b>	<b>6.305.555.422</b>

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên quản lý	1.681.868.590	1.945.448.660
Chi phí khấu hao	110.716.668	110.716.668
Chi phí vật liệu văn phòng	54.971.951	45.443.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.011.693	139.328.950
Chi phí bằng tiền khác	160.737.116	1.120.396.685
	<b>2.257.306.018</b>	<b>3.361.334.395</b>



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu	15.650.168.120	17.766.163.066
Chi phí nhân công	15.627.801.648	22.781.674.633
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.801.325.971	13.301.538.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.527.123.750	15.363.231.308
Chi phí khác	4.422.131.733	6.106.497.355

**25. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.693.928.985	22.324.523.350
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.169.392.899	2.232.452.335
Chi phí không được khấu trừ thuế	253.236.300	290.876.334
Ưu đãi thuế	(2.422.629.199)	(2.523.328.669)

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2017) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường là 20%.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần trong kỳ	21.693.928.985	22.324.523.350
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.443.928.985	21.074.523.350

(\*) Cho mục đích tính toán lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, Công ty ước tính số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bằng 50% số đã trích lập cho cả năm 2019.

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
		Chưa soát xét
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	12.120.000	12.120.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	12.120.000	12.120.000

**27. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		Chưa soát xét
Bù trừ công nợ từ thanh lý tài sản cố định	300.000.000	-



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND Chưa soát xét
<b>Công ty mẹ*</b>		
<b>Công ty Cổ phần Container Việt Nam</b>		
Trả gốc vay	7.659.259.259	-
Mua hàng hóa	6.173.942.348	6.937.189.918
Chi phí lãi vay	2.939.264.360	4.605.566.180
Cung cấp dịch vụ	394.560.866	695.370.649
<b>Các công ty con của Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</b>		
Cung cấp dịch vụ	30.153.505.438	32.349.609.634
Mua dịch vụ	6.824.423.000	5.036.066.500
<b>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh</b>		
Mua dịch vụ	4.571.519.964	643.877.727
Cung cấp dịch vụ	1.850.810.337	256.630.794
Thanh lý tài sản cố định	300.000.000	-
<b>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</b>		
Mua dịch vụ	2.194.038.007	5.847.600.891
Cung cấp dịch vụ	575.654.000	850.852.478
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh</b>		
Cung cấp dịch vụ	17.951.665.000	12.655.830.000
Mua dịch vụ	41.643.648	460.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.141.707.239	1.232.332.883



**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 và Thông báo số 06/2020/TB-TH ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty công bố trả cổ tức bằng tiền là 12.120.000.000 VND (tỷ lệ 10% tương đương 1.000 VND/cổ phần). Số cổ tức phải trả này chưa được trích trước trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty chưa được soát xét hay kiểm toán.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Lan  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Tiên Lục  
Giám đốc

